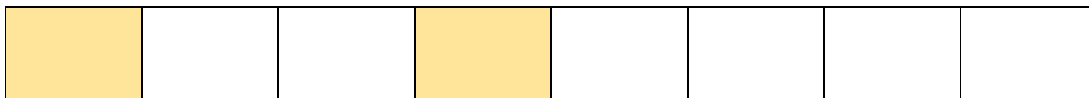


ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU
QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Năm học 2022-2023)

ĐỀ 1**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Phần tô màu trong hình sau biểu diễn phân số nào



A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{1}{4}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{5}{8}$

Câu 2. Phân số nào dưới đây bằng với phân số $\frac{-2}{3}$

A. $\frac{4}{6}$

B. $\frac{-6}{9}$

C. $\frac{6}{9}$

D. $\frac{-4}{-6}$

Câu 3. Chọn câu SAI?

A. $\frac{1}{3} = \frac{45}{135}$

B. $\frac{-13}{20} = \frac{26}{-40}$

C. $\frac{-4}{14} = \frac{-16}{60}$

D. $\frac{6}{7} = \frac{-42}{-49}$

Câu 4. Tìm số nguyên x biết $\frac{x}{3} = \frac{-35}{15}$

A. $x = 7$

B. $x = -7$

C. $x = 5$

D. $x = -5$

Câu 5. Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có trục đối xứng?



A. Hình 1



B. Hình 2



C. Hình 3



D. Hình 4

Câu 6. Các chữ in hoa trong từ **TOAN**, chữ nào sau đây có tâm đối xứng?

- A. T B. O C. A D. N

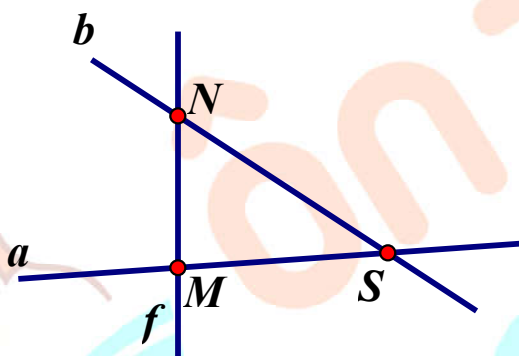
Câu 7. Chọn câu **ĐÚNG** khi so sánh hai phân số sau:

- A. $\frac{4}{-5} > \frac{-7}{5}$ B. $\frac{4}{-5} = \frac{-7}{5}$ C. $\frac{4}{-5} \leq \frac{-7}{5}$ D. $\frac{4}{-5} < \frac{-7}{5}$

Câu 8. Hỗn số $4\frac{5}{7}$ được viết dưới dạng phân số là:

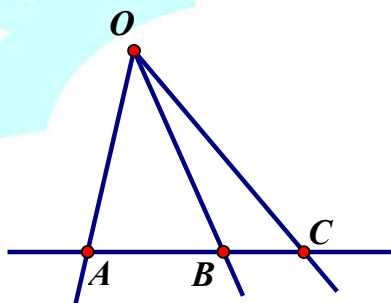
- A. $\frac{23}{7}$ B. $\frac{24}{7}$ C. $\frac{27}{7}$ D. $\frac{33}{7}$

Câu 9. Đường thẳng a chứa những điểm nào?



- A. M, S B. M, N C. N, S D. M, N, S

Câu 10. Quan sát hình vẽ bên, khẳng định nào là **ĐÚNG**?



- A. Trong hình chỉ có 3 tia OA, OB, OC
 B. A và C nằm khác phía đối với B
 C. Điểm B và C nằm cùng phía so với điểm O
 D. Điểm O nằm giữa hai điểm A và C

Câu 11. Bạn Mai lên kế hoạch thời gian biểu của mình trong một ngày như sau: $\frac{1}{3}$ thời gian dành cho hoạt động ngoại khóa, $\frac{7}{16}$ thời gian dành cho hoạt động ăn, ngủ. Còn lại là thời gian dành cho các công việc cá nhân khác. Hỏi bạn Mai đã dành bao nhiêu phần thời gian trong ngày cho công việc cá nhân khác?

- A. $\frac{18}{16}$ B. $\frac{3}{8}$ C. $\frac{5}{8}$ D. $\frac{3}{16}$

Câu 12. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 5m. Chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài.

Diện tích khu vườn là

- A. $2 m^2$ B. $7 m^2$ C. $10 m^2$ D. $14 m^2$

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện phép tính

a) $\frac{-16}{23} + \frac{7}{23}$ b) $\frac{2}{7} - \frac{1}{21} + \frac{-7}{3}$ c) $-\frac{2}{3} \cdot \frac{10}{13} + \frac{3}{13} : \left(-\frac{3}{2}\right)$

Bài 2. Tìm x , biết

a) $x + \frac{3}{5} = 1\frac{1}{2}$ b) $\frac{-11}{12}x - \frac{1}{6} = \frac{3}{4}$ c) $\left(3x + \frac{2}{3}\right) \cdot \frac{8}{3} = \frac{4}{3}$

Bài 3. Lớp 6A có số học sinh được đánh giá về mặt học tập gồm hai mức độ : ĐẠT và CHƯA ĐẠT . Số học sinh ĐẠT chiếm $\frac{7}{8}$ số học sinh cả lớp và còn lại là số học sinh CHƯA ĐẠT.

Hỏi số học sinh có đánh giá học lực CHƯA ĐẠT là bao nhiêu học sinh?

Bài 4. Bảng sau đây biểu diễn mức thu nhập - chi tiêu – để dành của gia đình bạn An tháng 11:

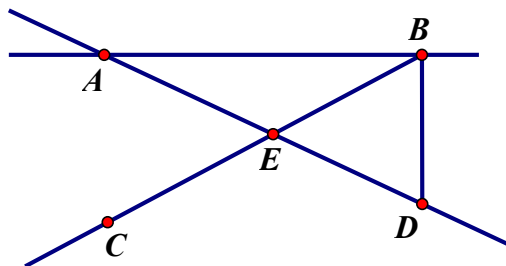
Thu nhập 20.000.000 đồng
Chi tiêu 12.000.000 đồng
Để dành 8.000.000 đồng

Tháng 12 thu nhập giảm $\frac{1}{10}$ mà chi tiêu lại tăng $\frac{1}{10}$ (so với tháng 11). Hỏi gia đình bạn An còn để dành được không, nếu được thì để dành được bao nhiêu?

Bài 5.

Vẽ và tìm trục đối xứng, tâm đối xứng của hình chữ nhật, hình bình hành

Bài 6. So sánh $\frac{2}{-3}$ và $\frac{-5}{12}$

Bài 7.

- Kể tên các điểm
- Kể tên các đường thẳng
- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng
- Điểm nào nằm giữa hai điểm A và D
- Kể tên một tia góc E.

BT bổ sung**Câu 1. Thực hiện phép tính**

a) $\frac{1}{6} + \frac{-5}{6}$

b) $\frac{4}{5} + \frac{3}{5} : 3 - \frac{7}{8}$

c) $\frac{5}{11} \cdot \frac{5}{7} + \frac{5}{11} \cdot \frac{2}{7} + \frac{6}{11}$

d) $\frac{3}{13} \cdot \frac{6}{11} + \frac{3}{13} \cdot \frac{9}{11} - \frac{3}{13} \cdot \frac{4}{11}$

e) $\frac{13}{2} + \frac{7}{5} - \frac{11}{2} - \frac{2}{5}$

Câu 2. Tìm x , biết

a) $x - \frac{7}{8} = \frac{13}{12}$

b) $\frac{4}{7} \cdot x + \frac{2}{3} = \frac{-1}{5}$

c) $\left(x + \frac{3}{4}\right) - \frac{7}{18} = \frac{11}{18}$

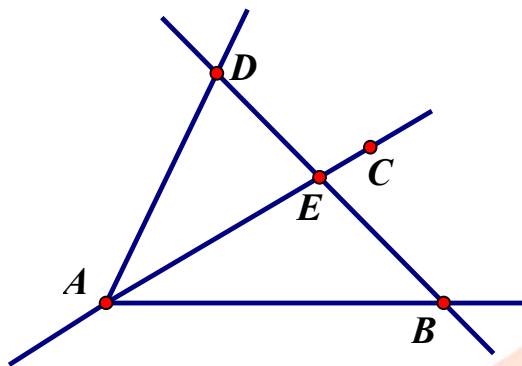
Câu 3. Một trường học có 1200 học sinh. Số học sinh có học lực trung bình chiếm $\frac{5}{8}$ tổng số, số học sinh khá chiếm $\frac{1}{3}$ còn lại; còn lại là học sinh giỏi. Tính số học sinh giỏi của trường này?

Bài 4. (điểm)

Vẽ và tìm trục đối xứng, tâm đối xứng của hình thang cân, tam giác đều, hình vuông?

Bài 5. So sánh $\frac{-5}{12}$ và $\frac{-11}{18}$

Bài 6.



- a) Kể tên các điểm
- b) Kể tên các đường thẳng
- c) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng
- d) Kể tên một bộ ba không thẳng hàng
- e) Điểm nào nằm giữa hai điểm B và D
- f) Kể tên một tia góc A

ĐỀ 2**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1.(TH) Cho $x + \frac{3}{4} = \frac{1}{5}$. Kết quả giá trị x là:

- A. $\frac{19}{20}$ B. $\frac{20}{19}$ C. $\frac{11}{20}$ D. $\frac{-11}{20}$

Câu 2. (TH) Cho $\frac{5}{2}x = 3\frac{1}{2}$. Kết quả giá trị x là:

- A. 1 B. $\frac{35}{4}$ C. $\frac{3}{5}$ D. $\frac{7}{5}$

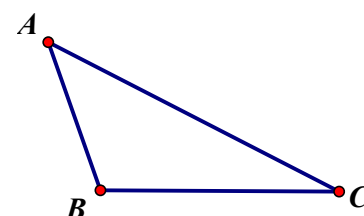
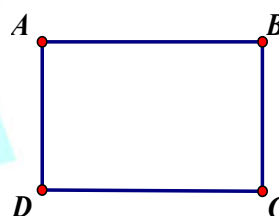
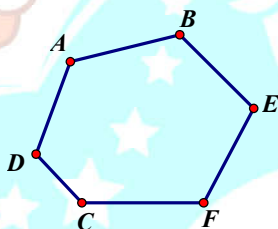
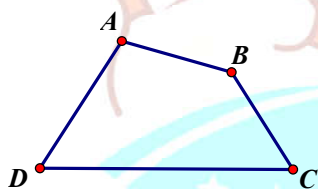
Câu 3. (TH) $\frac{3}{4}$ của 20 trang sách là:

- A. 5 trang B. 10 trang C. 15 trang D. 20 trang

Câu 4. (TH) Tìm một số biết $\frac{2}{5}$ của nó là 4

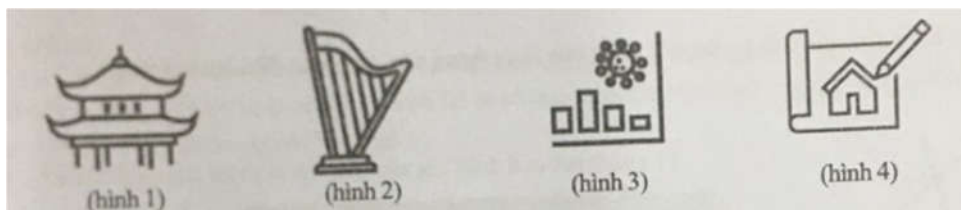
- A. Số đó là 2 B. Số đó là 10 C. Số đó là 8 D. Số đó là 20

Câu 5. (NB) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



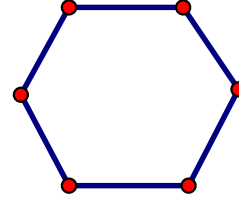
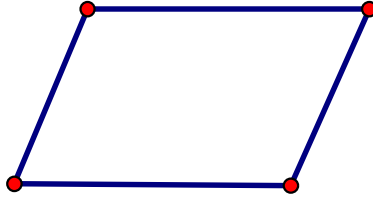
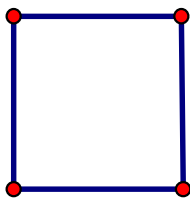
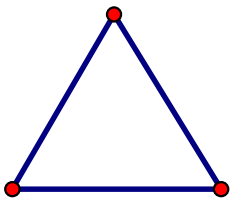
- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 6. (NB) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 7. (NB) Trong các hình sau, hình nào **không** có tâm đối xứng?



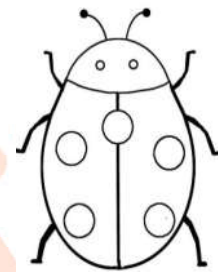
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 8. (NB) Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?



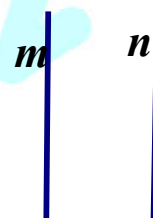
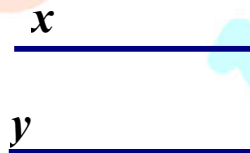
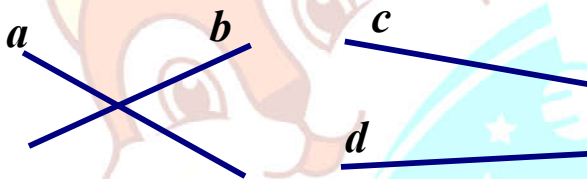
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 9. (NB) Cho hình vẽ



Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

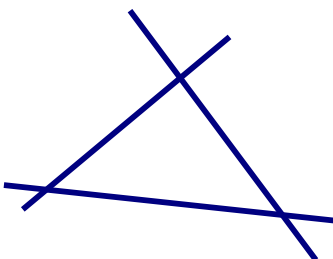
- A. Hai đường thẳng a và b cắt nhau
- B. Hai đường thẳng c và d song song với nhau
- C. Hai đường thẳng x và y cắt nhau
- D. Hai đường thẳng m và n cắt nhau.

Câu 10. (NB) Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

Qua 2 điểm C và D phân biệt vẽ được:

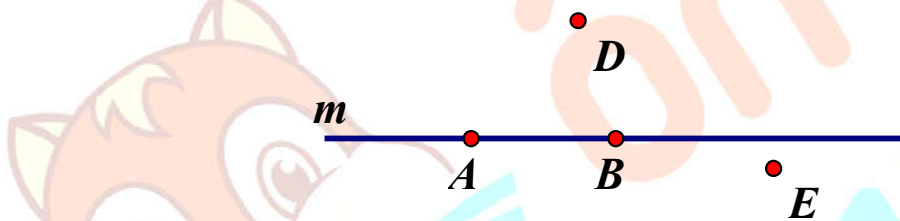
- A. Không có đường thẳng nào
B. Chỉ có 1 đường thẳng
C. Vô số đường thẳng
D. Có 2 đường thẳng

Câu 11. (NB) Cho hình vẽ. Số giao điểm tạo bởi 3 đường thẳng song song trong hình trên là:



- A. 1 giao điểm
B. 2 giao điểm
C. 3 giao điểm
D. 4 giao điểm

Câu 12. (NB) Cho hình vẽ. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:



- A. $D \in m$
B. $E \in m$
C. $A \in m$
D. $B \notin m$

II. TỰ LUẬN

Bài 1. (1,5đ) (TH) So sánh hai phân số : $\frac{-2}{5}$ và $\frac{4}{-9}$

Bài 2. (1,5đ) Tính:

A. $(TH) \frac{1}{5} + \frac{4}{5} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)$

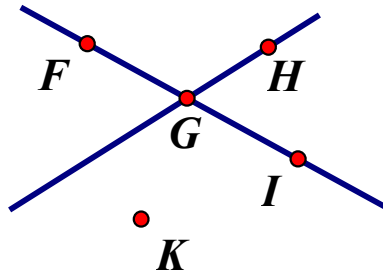
B. $(VD) \frac{3}{7} \cdot \frac{11}{13} + \frac{3}{7} \cdot \frac{2}{13}$

C. $(VD) \left(\frac{4}{7} - \frac{23}{17}\right) - \left(\frac{11}{7} - \frac{23}{17}\right)$

Bài 3. (1đ) (VD) Bạn Lan có 12 viên kẹo. Lan cho em $\frac{3}{4}$ số kẹo của mình. Hỏi Lan còn bao nhiêu viên kẹo?

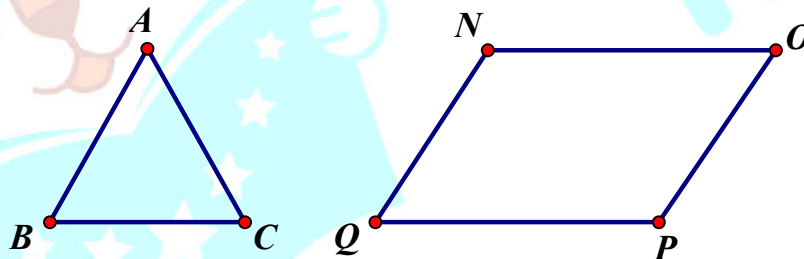
Bài 4. (1đ) (VDC) Một đội công nhân thi công đào một quãng đường. Ngày thứ nhất đào được $\frac{1}{3}$ quãng đường, ngày thứ hai đào được $\frac{1}{2}$ quãng đường còn lại. Biết ngày thứ ba đội đào 90 m đường là xong công việc. Hỏi quãng đường đội công nhân nhận thi công dài bao nhiêu mét?

Bài 5. (1đ) (NB) Cho hình vẽ



- Kẻ tên một bộ ba điểm thẳng hàng
- Kẻ tên một bộ ba điểm không thẳng hàng
- Điểm nào nằm giữa hai điểm F và I
- Kẻ tên một tia gốc I.

Bài 6. (1đ) (NB) Cho hình vẽ:



- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của tam giác đều ABC
- Hãy tìm I là tâm đối xứng của hình bình hành NOPQ.

BT bổ sung**Câu 1: Thực hiện phép tính.**

a) $\frac{16}{15} + \frac{2}{-15} - \frac{-4}{-15}$

b) $\frac{-2}{5} \cdot \frac{5}{2} + \frac{-1}{6} : \frac{3}{7} + \frac{39}{18}$

c) $\frac{5}{16} \cdot \frac{2}{1} + \frac{5}{16} \cdot \frac{3}{11} - \frac{5}{16} \cdot \frac{-3}{11}$

Câu 2. Tìm x , biết

a) $x - \frac{7}{5} = \frac{5}{12}$

b) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} : x = \frac{1}{2}$

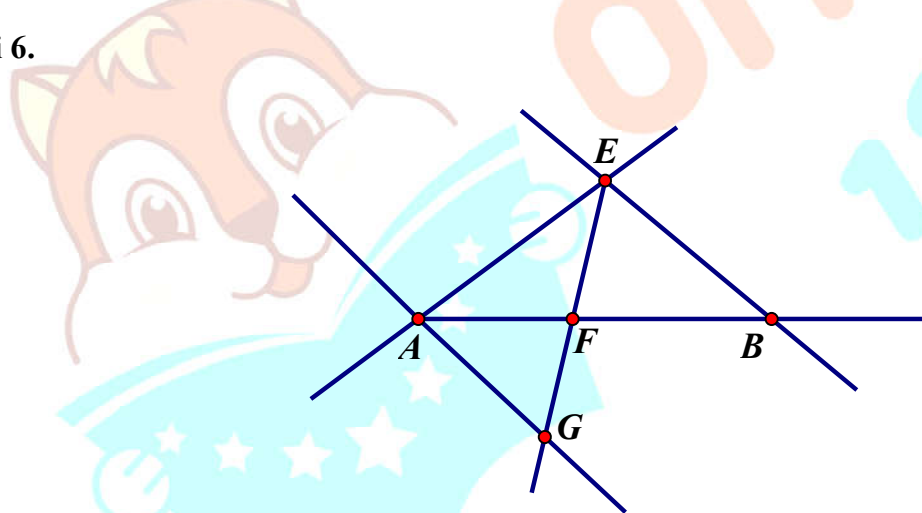
c) $2\left(3x - \frac{1}{3}\right) + \frac{1}{2} = \frac{2}{3}$

Câu 3. Một quyển sách dày 36 trang. Ngày đầu An đọc được $\frac{4}{9}$ số trang sách. Ngày thứ hai An đọc tiếp $\frac{1}{2}$ số trang sách còn lại. Hỏi An còn bao nhiêu trang sách chưa đọc?

Bài 4. (điểm)

Vẽ và tìm trục đối xứng, tâm đối xứng của hình thoi, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang cân

Bài 5. So sánh $\frac{-3}{14}$ và $\frac{-4}{21}$

Bài 6.

- Kể tên các điểm
- Kể tên các đường thẳng
- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng
- Điểm nào nằm giữa hai điểm B và A
- Kể tên một tia góc F